

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/GPMT-UBND

Hà Tiên, ngày 25 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH An
Phước ngày 19 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình
số 296/TTr-TNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH An Phước, địa chỉ tại số 83, đường
Tạ Quang Bửu, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang được
thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trạm trộn bê tông nhựa
nóng-Công ty TNHH An Phước, công suất 80 tấn sản phẩm/giờ” với các nội
dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: “Trạm trộn bê tông nhựa nóng-Công ty TNHH An Phước,
công suất 80 tấn sản phẩm/giờ”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 61, Quốc lộ N1, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên,
thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 1700569788; đăng ký lần đầu ngày 25
tháng 02 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 20 tháng 02 năm 2023; do
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1700569788.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và kinh doanh bê
tông nhựa nóng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:



- Phạm vi, quy mô: cơ sở được xây dựng tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 03, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 1.000 m², tổng vốn đầu tư 6 tỷ đồng, cơ sở thuộc phân loại vào danh mục dự án nhóm C theo quy định tại khoản 4, điều 10 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

- Công suất của cơ sở: trộn bê tông nhựa nóng với công suất 80 tấn sản phẩm/giờ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH An Phước được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TNHH An Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 05 năm (từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 đến ngày 25 tháng 8 năm 2028).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức kiểm tra

việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH An Phước;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Thuận Yên;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Quốc Thắng



PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 63/GPMT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 01m³/ngày.
- Nước thải sản xuất: nguồn phát sinh chủ yếu từ phun dập bụi ống khói của trạm trộn, xử lý khí thải, nước tưới sân khoảng 02m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- + Nước thải sản xuất: 01 ao chứa nước phía Tây của cơ sở.
- + Nước thải sinh hoạt: 01 ao chứa nước cạnh nhà vệ sinh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại số 61, Quốc lộ N1, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3°):

+ Vị trí xả nước thải sinh hoạt: X=1145372; Y=0501281.

+ Vị trí xả nước thải sản xuất: X=1145449; Y=0501231.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 03m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm, liên tục các ngày trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, với K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT Cột B)	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	mg/l	(5-9)	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT Cột B)	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
3	TSS	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước mưa: hệ thống thu gom, thoát nước mưa xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh tại khu nhà vệ sinh công cộng được thu gom theo hình thức tự chảy về hầm tự hoại 03 ngăn bên dưới nhà vệ sinh.

- Nước sản xuất: sẽ được thu gom vào rãnh thoát nước chảy vào ao lắng thể tích 67,2 m³ phía Tây của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt: được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn (có thể tích 7,2 m³) được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi được xử lý tại hầm tự hoại sẽ được thoát vào ao chứa nước cạnh phòng vệ sinh của cơ sở.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất: được thu gom vào 02 rãnh thoát nước chạy dọc theo hàng rào của cơ sở (rãnh thoát nước có chiều rộng 2,5 m), nước thải được dẫn vào ao lắng (thể tích 67,2 m³) phía Tây cơ sở. Nước thải sau khi được lắng trong tại ao lắng được tuần hoàn sử dụng cho hoạt động sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các cán

bộ, nhân viên của cơ sở; chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.

2.3. Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải (định kỳ kiểm soát, hạn chế sự cố tắc nghẽn do chất rắn lơ lửng, đảm bảo dòng chảy, hoạt động ổn định của hệ thống)/.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: nguồn khí thải phát sinh từ quá trình nấu nhựa và quá trình sấy nguyên liệu cát, đá.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Tại số 61, Quốc lộ N1, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi chiều 3°): Khí thải từ ống khói của nhà xử lý khí thải kín nằm ở phía Tây của cơ sở có tọa độ $X=1145452$; $Y=0501219$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $P < 20.000m^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn, theo ca sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	6 tháng/lần
2	NO_x	mg/Nm^3	850	
3	SO_2	mg/Nm^3	500	
4	CO	mg/Nm^3	1.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của trạm trộn.
- Giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận chuyển.

+ Thường xuyên tưới ẩm và phun nước trên các tuyến đường của dự án để giảm bụi phát tán, đặc biệt là vào những ngày nắng.

+ Các xe tải khi chở cát, đá phục vụ cho trạm trộn phải có bạt che kín để tránh phát sinh bụi dọc đường vận chuyển.

- Sử dụng nguồn dầu FO, nhựa đường đảm bảo chất lượng.
- Giảm việc tái nhóm lò nhiều lần bằng cách xả hơi dư thay vì tắt lò.
- Không chế ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình nạp nguyên liệu:

+ Lắp đặt hệ thống phun sương nước trên bề mặt vật liệu.

+ Băng tải sẽ được che kín, tránh để nguyên vật liệu rơi vãi và ảnh hưởng của gió làm bụi phát tán ra bên ngoài.

+ Cấp phụ gia được thiết kế kín để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh ra ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Trong quá trình sản xuất ngoại khí thải do đốt dầu FO còn có một lượng lớn bụi phát sinh trong các công đoạn sấy vật liệu, sàng phân loại. Khí thải do đốt dầu FO và bụi trong quá trình sản xuất được các quạt hút thu gom về hệ thống xử lý theo phương pháp “bếp Hoàng Cầm”.

+ Lượng bụi và khí thải này được thu gom và vận chuyển vào nhà xử lý kín. Tại đây khí thải được lọc sơ cấp bằng nước theo nguyên lý tưới phun sương. Khí thải được “tắm” trong nước, một phần hóa chất độc dạng hơi hòa tan vào nước, với quá trình tiếp xúc diễn ra trong nhà kín thì hầu hết khí và bụi có trong khói được hấp thụ vào nước và khí được dẫn ra ngoài qua hệ thống ống khói. Bụi có kích thước nhỏ sẽ rơi xuống đáy thiết bị, theo dòng chảy xuống bể chứa nước tuần hoàn. Nước trong bể sau khi lắng cặn được tái sử dụng để xử lý khí thải ở những quá trình tiếp theo (nước sẽ được bổ sung khi hao hụt).

+ Hiện tại công ty đã đầu tư xây dựng bể lắng bụi (kích thước 10m x 3m x 3m) để xử lý nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải, nước thải được lắng sạch tạp chất (bụi, đất,...) sẽ được hệ thống máy bơm, bơm ngược lên nhà xử lý khí thải để xử lý khí thải. Quá trình xử lý tuần hoàn nên nước thải từ bể lắng không thải ra môi trường bên ngoài. Bùn thải và bụi được thu gom và thải bỏ hợp lý. Khói thải của cơ sở sau khi được xử lý sẽ được thải ra ngoài qua hệ thống ống khói.

- Công suất thiết kế: Nhà xử lý khí kín (có diện tích 10m x 4m x 2,7m) = 100 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): không.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại hệ thống dây chuyền sản xuất bê tông nhựa nóng, từ các phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}30'$, múi chiều 3°): $X = 0501266$, $Y = 1145415$.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường; QCVN 27:2010/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ; khu vực thông thường), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

T	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

T	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 6 - 21 giờ		
	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Các thiết bị sẽ được lắp bộ phận hãm thanh nhằm giảm thiểu tối đa tiếng ồn có thể phát sinh trong quá trình vận hành.

+ Máy móc sản xuất được sắp xếp một cách hợp lý, đảm bảo không gian làm việc và hạn chế sự cộng hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành.

+ Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy móc, thiết bị (01 tháng/lần) để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở nhằm giảm thiểu tiếng ồn phát tán và tạo mỹ quan.

Ngoài ra, cơ sở còn áp dụng một số biện pháp giảm tiếng ồn của phương tiện vận chuyển như sau:

+ Ban hành nội quy về vị trí đỗ xe, vận tốc xe khi ra vào cơ sở.

+ Sắp xếp lịch xuất - nhập nguyên, vật liệu hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Phương tiện phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thực hiện kiểm định theo đúng quy định.

+ Duy tu, bảo dưỡng mặt đường thường xuyên phẳng nhẵn.

+ Quy định tốc độ và hạn chế bóp còi trong khu vực cơ sở; chỉ sử dụng còi khi cần xử lý tình huống khẩn cấp.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: độ rung của cơ sở phát sinh chủ yếu do các xe vận chuyển ra vào cơ sở.

+ Toàn bộ máy móc thiết bị tạm trọng bê tông được đặt trên các bệ đúc có móng chắn chắn, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt thêm các đệm cao su chống rung và kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

+ Tăng không gian giữa các thiết bị máy móc có độ rung cao. Sử dụng biện pháp kiểm soát đảm bảo độ rung không truyền từ nguồn này sang nguồn khác.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

Thường xuyên kiểm tra các thiết bị hỗ trợ giảm tiếng ồn, độ rung để kịp thời sửa chữa, thay mới nếu có hư hỏng, để đạt giá trị cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật.

Đề nghị cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung để không ảnh hưởng đến các khu vực lân cận và giá trị của các thông số phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, độ rung.

Đề nghị Chủ cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ theo nội dung tại mỗi Phụ lục kèm theo Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 5,3 kg/tháng.

Chủng loại: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải, pin, ắc quy, dầu nhớt thải, nhựa đường rơi vãi....

1.2. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh: 250 kg/ngày.

Chủng loại: phế phẩm, nguyên liệu cát đá rơi vãi, bao bì chứa nguyên vật liệu.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 05 kg/ngày.

Chủng loại: bọc nylon, chai nhựa, lon nước, giấy, rau, củ thừa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bảo quản chất thải nguy hại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích lưu chứa trong nhà: kho có kết cấu tường, mái lợp tole, nền xi măng với diện tích 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Nằm trong khu vực nhà kho, có lưới bao quanh, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất (khoảng 100m²) để tái sử dụng làm nguyên liệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường; thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động; điểm tập kết hoạt động trong thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau phải có đèn chiếu sáng, cơ sở phải bố trí điểm lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình vận hành hoạt động để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người lao động trên cơ sở đó theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở bố trí 02 thùng chứa rác loại 60 lít bố trí tại 02 khu vực (khu vực sản xuất và khu vực nhà nghỉ công nhân), 02 thùng chứa rác 10 lít đặt tại khu nhà Văn phòng và nhà ăn có nắp đậy, có dán nhãn phân loại rác, đảm bảo không rò rỉ nước ra môi trường và khả năng lưu chứa lượng rác thải phát sinh. Cơ sở bố trí 01 thùng 240 lít đặt ngay vị trí cổng ra vào của cơ sở, cấp tuyến đường Quốc lộ N1 để Ban Quản lý công trình đô thị thành phố thuận tiện thu gom (01 lần/ngày).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Sau mỗi ngày chất thải rắn sinh hoạt được thu gom 01 thùng 240 lít được bố trí trước cổng cơ sở, tiếp giáp đường để Ban Quản lý công trình đô thị thành phố dễ dàng tiếp cận thu gom. Địa điểm đặt thùng lưu chứa từ 18h00 đến 06h00 sáng hôm sau phải có đèn sáng và phun khử mùi khi kết thúc hoạt động.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Chủ cơ sở thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án; tuân thủ quy trình, quy định kỹ thuật về an toàn, môi trường; bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Lồng ghép các sự cố môi trường vào báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, cụ thể như: hệ thống xử lý nước thải bị bể làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, chất lượng nước không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cháy nổ,...

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Bố trí các thiết bị về phòng tránh cháy nổ.

- Đề nghị Chủ cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ theo nội dung tại mỗi Phụ lục kèm theo Giấy phép này./.